

Số: 88 /BC-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

A. Trục sở chính

I. Ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm: 200 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Đề nghị cấp bổ sung chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Trường đã nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi).

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 18 GV

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 1/20

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Diệp Thị Lành	Thạc sĩ Công nghệ nhiệt	x		- Hướng dẫn Đồ án môn học - Kỹ thuật điều hòa không khí - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống điều hòa không khí - Chuyên đề máy lạnh - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm	250
2	Nguyễn thị Út Hiền	Thạc sĩ Công nghệ Nhiệt	x		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Đo Lường Điện- Lạnh - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật sấy - Hướng dẫn Đồ án môn học - Xây dựng trạm lạnh - Kỹ thuật điều hòa không khí - Tin học ứng dụng:	250

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
					Autocad,...	
3	Nguyễn Duy Tuệ	Thạc sĩ Công nghệ Nhiệt	X		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Cơ sở kỹ thuật điện - Bơm, Quạt, Máy nén - Kỹ thuật sấy - Hướng dẫn Đồ án môn học - Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	250
4	Nguyễn Thanh Bình	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Thực tập Lạnh cơ bản - Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh - Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô -Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	200
5	Trần Đức Vượng	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh	200
6	Đoàn phong	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm	200
7	Võ Thị Thùy Trang	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh - Cơ sở kỹ thuật lạnh	200

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
8	Nguyễn Văn Nam	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh - Tin học ứng dụng: Autocad,... - Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô	200
9	Nguyễn Minh Đông	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh - Thực tập Lạnh cơ bản - Tự động hóa hệ thống lạnh	200
10	Võ Thế Anh	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật sấy - Thực tập Lạnh cơ bản - Điều hòa không khí Ô tô - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm	200
11	Nguyễn Thanh Dương	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Điện tử cơ bản - Đo Lường Điện- Lạnh - Kỹ thuật sấy - Thực tập Lạnh cơ bản - Xây dựng trạm lạnh - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200
12	Nguyễn Thế Hiếu	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Kỹ thuật điều hòa không khí - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh	200
13	Nguyễn Văn Hùng	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm - Thực tập hệ thống điều hoà không khí cục bộ - Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
14	Bùi Văn Tiến	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô - Thực tập trang bị điện hệ thống Nhiệt lạnh - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp - Trang bị điện hệ thống lạnh	200
15	Hoàng Văn Thành	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Đo Lường Điện- Lạnh - Trang bị điện hệ thống lạnh - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200
16	Đỗ Văn Duy	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Kỹ thuật lạnh thực phẩm - Điều hòa không khí ô tô	200
17	Nguyễn Đình Thi	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Đo Lường Điện- Lạnh - Thực tập Lạnh cơ bản - Lò hơi - Kỹ thuật điều hòa không khí	200
18	Lê Văn Tích	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Tin học ứng dụng: Autocad,... - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200

II. Ngành Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm: 200 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Đề nghị cấp bổ sung chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Trường đã nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi).

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 17 GV

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 1/20

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Diệp Thị Lành	Thạc sĩ Công nghệ nhiệt	x		- Hướng dẫn Đồ án môn học - Kỹ thuật điều hòa không khí - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống điều hòa không khí - Chuyên đề máy lạnh - Thực tập hệ thống điều hòa không khí trung tâm	250
2	Nguyễn thị Út Hiền	Thạc sĩ Công nghệ Nhiệt	x		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật sấy - Hướng dẫn Đồ án môn học - Xây dựng trạm lạnh - Kỹ thuật điều hòa không khí - Tin học ứng dụng: Autocad,...	250
3	Nguyễn Duy Tuệ	Thạc sĩ Công nghệ Nhiệt	X		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Cơ sở kỹ thuật điện - Bơm, Quạt, Máy nén - Kỹ thuật sấy - Hướng dẫn Đồ án môn học - Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	250

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
4	Nguyễn Thanh Bình	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Bơm, Quạt, Máy nén - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Thực tập Lạnh cơ bản - Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh - Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô - Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	200
4	Trần Đức Vượng	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén	200
5	Đoàn Phong	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm	200
6	Võ Thị Thùy Trang	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Cơ sở kỹ thuật lạnh	200
7	Nguyễn Văn Nam	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Tin học ứng dụng: Autocad,... - Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô	200
8	Nguyễn Minh Đông	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Thực tập Lạnh cơ bản - Tự động hóa hệ thống lạnh	200

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
9	Võ Thế Anh	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật sấy - Thực tập Lạnh cơ bản - Điều hòa không khí ô tô - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm	200
10	Nguyễn Thanh Dương	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Điện tử cơ bản - Kỹ thuật sấy - Thực tập Lạnh cơ bản - Xây dựng trạm lạnh - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200
11	Nguyễn Thế Hiếu	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Kỹ thuật điều hòa không khí - Kỹ thuật lạnh thực phẩm - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh	200
12	Nguyễn Văn Hùng	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm - Thực tập hệ thống điều hoà không khí cục bộ - Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200
13	Bùi Văn Tiến	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Chuyên đề máy lạnh - Điều hòa không khí ô tô - Thực tập trang bị điện hệ thống Nhiệt lạnh - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	200

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
					- Trang bị điện hệ thống lạnh	
14	Hoàng Văn Thành	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Điện tử cơ bản - Bơm, Quạt, Máy nén - Trang bị điện hệ thống lạnh - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200
15	Đỗ Văn Duy	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Xây dựng trạm lạnh - Lò hơi - Kỹ thuật lạnh thực phẩm - Điều hòa không khí ô tô	200
16	Nguyễn Đình Thi	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Cơ sở kỹ thuật điện - Thực tập Lạnh cơ bản - Lò hơi - Kỹ thuật điều hòa không khí	200
17	Lê Văn Tích	Kỹ sư Công nghệ nhiệt lạnh	X		- Tin học ứng dụng: Autocad,... - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp - Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh	200

III. Ngành Kỹ thuật xây dựng

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm: 200 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Bổ sung ngành đào tạo

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng lý thuyết chuyên môn: 74 phòng dùng chung (có 03 phòng CM)
- Số phòng/ xưởng thực hành: 05 xưởng

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
1	Máy ép cọc tre	Chiếc	08
2	Máy ép cọc bê tông	Chiếc	04
3	Máy kinh vĩ	Bộ	08
4	Máy thủy bình	Bộ	08
5	Máy toàn đạc	Bộ	08
6	Máy đào gầu nghịch	Chiếc	04
7	Máy đầm cát	Chiếc	04
8	Máy đầm cóc	Chiếc	08
9	Cầu tự hành	Chiếc	04
10	Pa lăng xích	Bộ	12
11	Tời	Chiếc	04
12	Máy trộn vữa	Chiếc	04
13	Máy phun vữa	Chiếc	04
14	Máy cắt gạch, đá	Chiếc	12
15	Máy cắt gạch cầm tay	Chiếc	16
16	Súng bắn keo	Chiếc	12
17	Máy mài gạch	Chiếc	12
18	Máy phun sơn	Chiếc	04
19	Máy khoan gỗ cầm tay	Chiếc	12
20	Khoan bê tông cầm tay	Chiếc	12
21	Máy bắn vít	Chiếc	12
22	Máy khoan điện cầm tay	Chiếc	24
23	Máy cưa gỗ cầm tay	Chiếc	12
24	Máy cưa đĩa	Chiếc	04
25	Máy bào cầm tay	Chiếc	12
26	Máy uốn, nắn cốt thép	Chiếc	12
27	Máy cắt cốt thép	Chiếc	04
28	Máy cắt cốt thép cầm tay	Chiếc	04
29	Tời máy	Chiếc	04
30	Máy mài 2 đá	Chiếc	08
31	Máy hàn hồ quang	Chiếc	12
32	Máy ren ống đa năng	Chiếc	12
33	Máy trộn Bê tông	Chiếc	04

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
34	Máy bơm bê tông	Chiếc	04
35	Máy đầm cạnh	Chiếc	12
36	Máy đầm cóc	Chiếc	12
37	Máy đầm dùi	Chiếc	12
38	Máy vận thăng	Chiếc	12
39	Máy bơm nước	Chiếc	04
40	Dao cắt ống	Chiếc	12
41	Bàn ren thủ công	Bộ	12
42	Kìm cá sấu	Bộ	24
43	Dưỡng kiểm tra mối hàn	Chiếc	12
44	Êke 90°, êke 120°	Chiếc	36
45	Compa vạch dấu	Chiếc	36
46	Đài vạch	Chiếc	36
47	Dũa dẹt, dũa tròn, dũa tam giác.	Chiếc	36
48	Búa	Chiếc	12
49	Tô vít	Bộ	04
50	Kìm cắt	Bộ	04
51	Bút thử	Chiếc	04
52	Thước mét	Chiếc	24
53	Thước lá	Chiếc	72
54	Thước vuông	Chiếc	24
55	Thước tầm	Chiếc	24
56	Ni vô	Chiếc	36
57	Ống nhựa mềm	m	48
58	Quả dọi	quả	24
59	Dao xây	Chiếc	72
60	Bàn xoa	Bộ	72
61	Búa cao su	Cái	72
62	Dao cắt vữa	Bộ	24
63	Bay trát vữa	Bộ	24
64	Khuôn mẫu	Bộ	24
65	Tê	Chiếc	16
66	Ke	Chiếc	16
67	Cưa tay	Chiếc	24

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
68	Cầu bào	Chiếc	24
69	Kéo cắt sắt	Chiếc	24
70	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	04
71	Cầu bào	Chiếc	72
72	Cưa gỗ thủ công	Chiếc	72
73	Êtô kẹp ống	Chiếc	12
74	Êtô kẹp song hành	Chiếc	12
75	Đe	Chiếc	12
76	Búa tạ	Chiếc	12
77	Chạm	Chiếc	12
78	Xấn	Chiếc	12
79	Đầm	Chiếc	12
80	Máy vi tính	Bộ	72
81	Máy chiếu (Projector)	Bộ	04
82	Khuôn đúc mẫu	Chiếc	24
83	Mô hình trạm trộn bê tông	Chiếc	04
84	Xí xỏm	Bộ	12
85	Xí bệt	Bộ	12
86	Âu tiểu nam	Bộ	12
87	Âu tiểu nữ	Bộ	12
88	Chậu rửa men sứ	Bộ	12
89	Chậu rửa inox	Bộ	12
90	Các loại phễu thu nước nhựa, inox, gang	Bộ	12
91	Các loại bồn tắm	Bộ	12
92	Các loại vòi tắm hương sen	Bộ	12
93	Bình nóng lạnh chạy điện	Bộ	12
94	Bình nóng lạnh chạy điện nước nóng trực tiếp	Bộ	12
95	Bình nóng lạnh chạy ga	Bộ	12
96	Két nước bằng inox	Bộ	12
97	Két nước bằng nhựa	Bộ	12
98	Các loại van, vòi rửa	Bộ	12
99	Bàn gia công	Chiếc	24
100	Bàn thực tập	Chiếc	12
102	Bàn hàn đa năng	Chiếc	12

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
104	Hệ thống hút khói hàn	Chiếc	12
104	Ca bin thực hành	Chiếc	24
105	Ống sấy que hàn	Ống	12
107	Xe chuyên dùng	Chiếc	04
108	Kẹp thước trát	Chiếc	144
109	Dưỡng trát trụ tròn	Chiếc	24
110	Máy tính	Chiếc	24
111	Bàn, ghế vẽ	bộ	72
112	Ca bin hàn	Chiếc	12
124	Mặt nạ hàn	Cái	72
112	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật (Mỗi bộ bao gồm)	Bộ	288
	<i>Thước thẳng chữ T</i>	<i>Chiếc</i>	<i>4</i>
	<i>Thước cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>4</i>
	<i>Eke</i>	<i>Bộ</i>	<i>8</i>
	<i>Com pa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>4</i>
113	Mô hình 3 mặt phẳng chiếu	Chiếc	16
114	Mô hình cắt vật thể	Bộ	48
115	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy (Mỗi bộ bao gồm)	Bộ	16
	<i>Bình cứu hoả dạng lỏng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Bình cứu hoả dạng khí</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Bình cứu hoả dạng bột</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Đầu báo khói, báo cháy</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Cuộn vòi chữa cháy</i>	<i>Cuộn</i>	<i>16</i>
	<i>Bảng tiêu lệnh chữa cháy</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
116	Trang bị bảo hộ lao động (Mỗi bộ bao gồm)	Bộ	16
	<i>Quần áo bảo hộ</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Mũ bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Giày bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>16</i>
	<i>Khẩu trang bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Dây an toàn</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Kính bảo hộ</i>	<i>Cái</i>	<i>16</i>
	<i>Găng tay bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>16</i>
117	Bộ trang bị cứu thương (Mỗi bộ bao gồm)	Bộ	16
	<i>Tủ cứu thương</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
	<i>Cáng cứu thương</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Nẹp định vị</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Găng tay y tế</i>	<i>Đôi</i>	<i>16</i>
	<i>Panh, kéo</i>	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
	<i>Hộp dụng cụ sơ cứu</i>	<i>Hộp</i>	<i>16</i>
118	Mô hình mạch điện 1 chiều (<i>Mỗi bộ bao gồm</i>)	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Nguồn điện 1 chiều</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Ampe kế DC</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Von ke DC</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Bộ tải điện trở</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Bộ tải biến trở</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
119	Mô hình mạch điện xoay chiều (<i>Mỗi bộ bao gồm</i>)	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Nguồn điện xoay chiều</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Ampe kế AC</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Von ke AC</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Bộ tải điện trở</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Tụ điện</i>	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
120	Bộ mẫu vật liệu xây dựng	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
121	Phần mềm Dự toán	<i>Bộ</i>	<i>288</i>
122	Khuôn cửa đi	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>
123	Khuôn cửa sổ	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>
124	Cửa đi 2 cánh	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
125	Cửa đi 1 cánh	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
126	Song cửa	<i>Bộ</i>	<i>08</i>
127	Sen hoa cửa sổ	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>
128	Cửa sổ	<i>Bộ</i>	<i>08</i>
129	Tấm đan bê tông	<i>tấm</i>	<i>48</i>
130	Lanh tô BTCT	<i>Chiếc</i>	<i>16</i>
131	Ô văng BTCT	<i>Tấm</i>	<i>16</i>
132	Giàn giáo định hình	<i>Bộ</i>	<i>08</i>
133	Dụng cụ hỗ trợ	<i>Bộ</i>	<i>16</i>
	<i>Xà beng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>
	<i>Cuốc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>
	<i>Xẻng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>08</i>

TT	Tên thiết bị dạy nghề	Đơn vị	Số lượng
	Xô	Chiếc	08

3. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 12 GV

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 1/20

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Trường Kiên	Ks. KTXD	x		- Tổ chức quản lý xây dựng - Dự toán xây dựng - An toàn lao động - Vẽ kỹ thuật - Lắp đặt đường ống cấp thoát nước - Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	200
2	Đặng Xuân Trường	Ths. KTXD	x		- Vật liệu xây dựng - Điện kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật - Đào móng - Trát, láng - Bạ mát tít, sơn vôi - Lắp đặt đường ống cấp thoát nước	220
3	Phạm Quang Vũ	Ths. QLDA XD	x		- Dự toán xây dựng - Tổ chức quản lý xây dựng - Bạ mát tít, sơn vôi	200
4	Lê Võ Tòng	Ths. QLDA XD	x		- Đào móng - Trát, láng - Đồ án Kỹ thuật thi công - Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	230
5	Nguyễn Võ Anh Tuyền	Ks. XDDD& CN	x		- An toàn lao động - Đào móng - Lát, ốp - Xây gạch	230

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
					- Gia công, lắp đặt cốt thép - Trộn, đổ, đầm bê tông - Bạ mát tít, sơn vôi - Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	
6	Nguyễn Đăng Cao Đại	Ths. QLDA XD	x		- Đào móng - Gia công, lắp đặt cốt thép - Trộn, đổ, đầm bê tông - Làm mái - Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo - Trát, vữa, trộn, đá	240
7	Trần Ngọc Tuấn	Ks. KTXD	x		- Điện kỹ thuật - Làm hoạ tiết trang trí - Lắp đặt thiết bị vệ sinh - Lắp đặt cầu kiện loại nhỏ - Trát, vữa, trộn, đá	200
8	Chu Việt Hân	Ks. KTXD	x		- Đào móng - Xây gạch - Trát, láng - Lát, ốp - Trộn, đổ, đầm bê tông - Làm mái - Lắp đặt cầu kiện loại nhỏ - Trát, vữa, trộn, đá	200
9	Đỗ Thị Thu	Ths. KTXD	x		- Dự toán xây dựng - Tổ chức quản lý xây dựng - Xây gạch - Lắp đặt thiết bị vệ sinh - Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	200
10	Nguyễn Thị Thu Trang	Ths. KTXD	x		- Vật liệu xây dựng - Xây gạch - Làm hoạ tiết trang trí	200

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
					- Lắp đặt thiết bị vệ sinh	
11	Nguyễn Thị Phương Thư	Ths. QTKD	x		- Dự toán xây dựng - Tổ chức quản lý xây dựng - Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép - Đồ án Kỹ thuật thi công	200
12	Huỳnh Thị Yên Thảo	Ths. QLDA	x		- Tổ chức quản lý xây dựng - Làm họa tiết trang trí - Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép - Đồ án Kỹ thuật thi công	210

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình: Kỹ thuật xây dựng

- Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

+ Thời gian đào tạo: 3 năm

+ Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

- Trình độ đào tạo: **Trung cấp**

+ Thời gian đào tạo: 1,5 năm

+ Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành

(Có liệt kê trong từng chương trình học phần của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

B. Phân hiệu/ địa điểm đào tạo khác: Không có 

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (Bộ LĐTB&XH);
- Ban Giám Hiệu;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc